

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán OPC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chín (9) chi nhánh và một (1) nhà máy đang hoạt động tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Phương Thanh Nhung	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

### ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2023

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Lê Sơn và Bà Phạm Thị Xuân Hương.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

5607  
GTY  
HÂN  
PHAI  
C  
HỒ CHÁ



# Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 21 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12117826/66926182

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HOA THUY A  
M.S.N  
2024



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 2266-2023-004-1



Phạm Ninh Tùng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 5631-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>642.760.009.995</b>	<b>635.592.351.771</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>257.899.919.325</b>	<b>63.224.964.477</b>
111	1. Tiền		257.899.919.325	39.224.964.477
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	24.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>68.954.572</b>	<b>209.968.954.572</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	68.954.572	159.268.954.572
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	50.700.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>228.842.664.055</b>	<b>171.928.713.130</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	226.336.353.005	169.823.416.055
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	10.143.599.110	5.987.145.399
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.500.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	986.630.692	1.453.863.916
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(15.123.918.752)	(13.335.712.240)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>154.963.056.460</b>	<b>189.833.075.762</b>
141	1. Hàng tồn kho		168.772.346.186	195.604.306.933
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.809.289.726)	(5.771.231.171)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>985.415.583</b>	<b>636.643.830</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	985.415.583	467.704.461
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	168.939.369
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>341.384.717.821</b>	<b>339.567.641.569</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.000.000</b>	<b>27.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	27.000.000	277.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	-	(250.000.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>198.787.173.807</b>	<b>206.106.894.831</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	124.859.328.562	131.075.816.921
222	Nguyên giá		435.648.731.105	423.787.304.596
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(310.789.402.543)	(292.711.487.675)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	73.927.845.245	75.031.077.910
228	Nguyên giá		83.587.042.931	83.587.042.931
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.659.197.686)	(8.555.965.021)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.482.992.970</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.482.992.970	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>131.445.000.000</b>	<b>131.058.470.936</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		107.760.000.000	107.760.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.685.000.000	11.685.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(386.529.064)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.642.551.044</b>	<b>2.375.275.802</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		265.999.994	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	8.376.551.050	2.375.275.802
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>984.144.727.816</b>	<b>975.159.993.340</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>167.369.955.429</b>	<b>165.254.494.769</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>163.610.852.429</b>	<b>161.137.789.769</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	54.409.156.331	65.953.435.330
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	12.169.022.504	298.296.328
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	19.963.564.575	13.623.653.390
314	4. Phải trả người lao động		49.259.605.401	63.475.757.240
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	20.352.175.663	10.840.151.963
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.262.400.158	28.450.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.640.933.190	682.753.828
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.553.994.607	6.235.291.690
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.759.103.000</b>	<b>4.116.705.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	3.699.103.000	4.056.705.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>816.774.772.387</b>	<b>809.905.498.571</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>816.774.772.387</b>	<b>809.905.498.571</b>
411	1. Vốn cổ phần		640.508.920.000	640.508.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		640.508.920.000	640.508.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		880.700.783	880.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		41.359.872.140	20.344.537.140
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		134.025.279.464	148.171.340.648
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.069.444.648	8.069.109.413
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		116.955.834.816	140.102.231.235
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>984.144.727.816</b>	<b>975.159.993.340</b>



Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập



Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	944.010.461.020	1.110.387.763.058
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	3.710.399.928	21.877.125.642
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	940.300.061.092	1.088.510.637.416
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	547.702.077.523	638.086.736.583
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		392.597.983.569	450.423.900.833
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	17.759.825.100	10.191.827.154
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	25	7.070.235.301 334.548.651	7.961.611.941 470.835.382
25	8. Chi phí bán hàng	26	172.634.966.451	198.974.279.541
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	83.102.442.305	77.306.454.701
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		147.550.164.612	176.373.381.804
31	11. Thu nhập khác		2.205.331.116	1.120.691.418
32	12. Chi phí khác		1.336.777.202	473.560.138
40	13. Lợi nhuận khác		868.553.914	647.131.280
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		148.418.718.526	177.020.513.084
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	37.464.158.958	36.252.014.845
52	16. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(6.001.275.248)	666.267.004
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		116.955.834.816	140.102.231.235

  
Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



  
Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>148.418.718.526</b>	<b>177.020.513.084</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12	19.181.147.533	19.175.735.716
03	Các khoản dự phòng		9.356.256.003	4.085.847.179
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(541.683)	(157.002.937)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.315.451.619)	(9.960.327.796)
06	Chi phí lãi vay	25	334.548.651	470.835.382
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>159.974.677.411</b>	<b>190.635.600.628</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(61.210.632.807)	(44.883.972.469)
10	Giảm hàng tồn kho		26.831.960.747	101.604.922.308
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		364.879.715	(3.286.523.154)
12	Tăng chi phí trả trước		(783.711.116)	(74.600.061)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		159.200.000.000	(159.200.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(334.548.651)	(958.596.774)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(34.053.695.452)	(36.738.310.471)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.669.368.061)	(24.776.152.090)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>232.319.561.786</b>	<b>22.322.367.917</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(12.042.424.879)	(4.090.907.312)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	30.000.000
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(25.500.000.000)	(173.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		77.700.000.000	125.200.000.000
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		18.021.491.258	5.581.969.556
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>58.179.066.379</b>	<b>(47.178.937.756)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		36.469.816.650	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(36.469.816.650)	(63.952.324.266)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(95.824.215.000)	(26.556.436.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(95.824.215.000)</b>	<b>(90.508.760.266)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>194.674.413.165</b>	<b>(115.365.330.105)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>63.224.964.477</b>	<b>178.590.687.326</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		541.683	(392.744)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>257.899.919.325</b>	<b>63.224.964.477</b>



Vũ Thị Tuyết Dung  
Người lập





Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Xuân Hương  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302560110 điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là OPC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nghệ An
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Đà Nẵng
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nha Trang
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Cần Thơ
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Cửa hàng Giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Chi nhánh Bình Dương – Nhà máy Dược phẩm OPC
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Tiền Giang
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Miền Đông

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 774 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 794 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 21 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

NG TY  
 PHÂN  
 C PHÂN  
 PC  
 HỘ CƯ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
công cụ, dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng  
xuất, kinh doanh dở dang phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung, nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.951.822.525	2.373.049.861
Tiền gửi ngân hàng	255.948.096.800	36.851.914.616
Các khoản tương đương tiền	-	24.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>257.899.919.325</u></b>	<b><u>63.224.964.477</u></b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	68.954.572	68.954.572	-	68.954.572	68.954.572	-
Trái phiếu	-	-	-	159.200.000.000	159.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>68.954.572</u></b>	<b><u>68.954.572</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>159.268.954.572</u></b>	<b><u>159.268.954.572</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan	1.017.988.000	438.900.000
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bình Dương</i>	<i>1.017.988.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25</i>	-	438.900.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	225.318.365.005	169.384.516.055
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>226.336.353.005</u></b>	<b><u>169.823.416.055</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.623.918.752)	(12.835.712.240)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>211.712.434.253</u></b>	<b><u>156.987.703.815</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	8.363.450.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH G-Stick	600.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Tiên tiến Việt Nam	-	2.549.130.000
Công ty TNHH Somapack	-	1.632.812.500
Các bên khác	1.180.149.110	1.805.202.899
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.143.599.110</b>	<b>5.987.145.399</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>9.643.599.110</b>	<b>5.487.145.399</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.335.712.240	15.538.996.344
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	10.090.350.160	7.848.074.035
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.302.143.648)	(10.051.358.139)
Số cuối năm	<u>15.123.918.752</u>	<u>13.335.712.240</u>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Đây là các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với kỳ hạn mười hai (12) tháng. Chi tiết như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	<u>6.500.000.000</u>	Ngày 22 tháng 9 năm 2024	5,0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>986.630.692</b>	<b>1.453.863.916</b>
Ký cược, ký quỹ	248.543.891	46.449.177
Tạm ứng nhân viên	145.000.000	160.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	-	1.177.414.739
Khác	593.086.801	70.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>27.000.000</b>	<b>277.000.000</b>
Khác	27.000.000	277.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.013.630.692</b>	<b>1.730.863.916</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	-	(250.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.013.630.692</b>	<b>1.480.863.916</b>

**9. NỢ XẤU**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>29.819.098.139</b>	<b>(14.623.918.752)</b>	<b>22.568.931.487</b>	<b>(12.835.712.240)</b>
Khối điều trị	27.931.193.686	(13.549.957.695)	22.225.112.209	(12.675.491.021)
Nhà thuốc	365.065.266	(158.290.435)	128.387.332	(93.945.235)
Khác	1.522.839.187	(915.670.622)	215.431.946	(66.275.984)
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>500.000.000</b>	<b>(500.000.000)</b>
Khác	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>
Khác	-	-	250.000.000	(250.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.319.098.139</b>	<b>(15.123.918.752)</b>	<b>23.318.931.487</b>	<b>(13.585.712.240)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên vật liệu	107.819.498.587	(4.989.886.917)	104.137.977.626	(5.731.444.834)
Thành phẩm	51.339.162.431	(8.819.204.111)	78.001.787.139	(39.786.337)
Hàng hoá	8.051.753.629	(198.698)	10.968.593.585	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.500.706.033	-	2.454.877.404	-
Công cụ, dụng cụ	61.225.506	-	41.071.179	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>168.772.346.186</u></b>	<b><u>(13.809.289.726)</u></b>	<b><u>195.604.306.933</u></b>	<b><u>(5.771.231.171)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.771.231.171	2.428.028.991
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	11.726.123.627	5.771.231.171
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(3.688.065.072)</u>	<u>(2.428.028.991)</u>
Số cuối năm	<u>13.809.289.726</u>	<u>5.771.231.171</u>

560  
GT  
HÀ  
PH  
C  
ĐC

## Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	252.123.407.885	143.365.791.366	25.265.636.422	3.032.468.923	423.787.304.596
Mua trong năm	3.868.430.020	7.691.562.488	-	301.434.001	11.861.426.509
Số cuối năm	255.991.837.905	151.057.353.854	25.265.636.422	3.333.902.924	435.648.731.105
<b>Trong đó:</b>					
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết	37.244.281.783	118.004.251.186	22.544.567.783	2.685.187.216	180.478.287.968
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	137.099.061.791	128.837.619.862	23.913.716.494	2.861.089.528	292.711.487.675
Khấu hao trong năm	12.629.094.811	4.801.358.023	467.069.834	180.392.200	18.077.914.868
Số cuối năm	149.728.156.602	133.638.977.885	24.380.786.328	3.041.481.728	310.789.402.543
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	115.024.346.094	14.528.171.504	1.351.919.928	171.379.395	131.075.816.921
Số cuối năm	106.263.681.303	17.418.375.969	884.850.094	292.421.196	124.859.328.562





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>82.296.407.931</u>	<u>1.290.635.000</u>	<u>83.587.042.931</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	-	<u>1.290.635.000</u>	<u>1.290.635.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	7.265.330.021	1.290.635.000	8.555.965.021
Hao mòn trong năm	<u>1.103.232.665</u>	-	<u>1.103.232.665</u>
Số cuối năm	<u>8.368.562.686</u>	<u>1.290.635.000</u>	<u>9.659.197.686</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>75.031.077.910</u>	-	<u>75.031.077.910</u>
Số cuối năm	<u>73.927.845.245</u>	-	<u>73.927.845.245</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hệ thống SAP ByDesign	2.397.230.000	-
Khác	<u>85.762.970</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.482.992.970</b></u>	-

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>985.415.583</b>	<b>467.704.461</b>
Chi phí bản quyền SAP	877.814.473	-
Công cụ, dụng cụ	-	344.833.000
Khác	107.601.110	122.871.461
<b>Dài hạn</b>	<b>265.999.994</b>	-
Khác	<u>265.999.994</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.251.415.577</b></u>	<u><b>467.704.461</b></u>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh "TM" số 15.1)	107.760.000.000	107.760.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 15.2)	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 15.3)	11.685.000.000	11.685.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131.445.000.000</b>	<b>131.445.000.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(386.529.064)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>131.445.000.000</b>	<b>131.058.470.936</b>

#### 15.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm		
			Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Thành phố Hồ Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14	92.760.000.000
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>107.760.000.000</b>

#### 15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm		
			Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	40,00	12.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm và số đầu năm	
		% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	1,18	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	299.475	2,71	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	6,09	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	15.750	2,87	1.665.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	3,59	1.250.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.685.000.000</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	<b>25.106.789.044</b>	<b>35.727.050.468</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	16.419.454.616	21.766.533.037
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	5.042.436.703	5.604.794.881
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	3.644.897.725	8.355.722.550
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>29.302.367.287</b>	<b>30.226.384.862</b>
Công ty TNHH In Bao bì C.D	7.002.177.084	6.726.081.920
Công ty CP Đông Dược Hà Nội CQB	2.815.792.035	-
Công ty TNHH Thủy Tinh Thái Tô	179.625.600	1.510.110.000
Các bên khác	19.304.772.568	21.990.192.942
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.409.156.331</b>	<b>65.953.435.330</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Anh Dũng	11.351.024.800	-
Công ty Cổ phần Jenshen	579.786.200	-
Các bên khác	238.211.504	298.296.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.169.022.504</b>	<b>298.296.328</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.738.305.359	37.464.158.958	34.053.695.452	15.148.768.865
Thuế giá trị gia tăng	1.060.408.571	15.981.852.094	13.908.900.690	3.133.359.975
Thuế thu nhập cá nhân	470.712.238	17.696.148.168	16.568.922.616	1.597.937.790
Thuế tiêu thụ đặc biệt	354.227.222	132.288.237	403.017.514	83.497.945
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.746.363.110	6.746.363.110	-
Thuế nhập khẩu	-	36.977.998	36.977.998	-
Thuế khác	-	323.177.402	323.177.402	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.623.653.390</u></b>	<b><u>78.380.965.967</u></b>	<b><u>72.041.054.782</u></b>	<b><u>19.963.564.575</u></b>

Công ty đã được Tổng cục thuế thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2022.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ marketing	7.038.849.536	2.554.819.400
Chi phí khuyến mãi	5.324.455.500	-
Chi phí tổ chức hội nghị	4.587.790.175	1.534.601.589
Chi phí thuê đất	-	1.332.346.756
Chi phí nhượng quyền	-	998.467.804
Khác	3.401.080.452	4.419.916.414
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.352.175.663</u></b>	<b><u>10.840.151.963</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc, ký quỹ thực hiện đấu thầu	618.606.752	-
Cổ tức	632.464.000	380.341.000
Kinh phí công đoàn	351.701.635	292.021.835
Khác	38.160.803	10.390.993
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.640.933.190</u></b>	<b><u>682.753.828</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	6.235.291.690	18.003.568.280
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh số 22.1)	14.010.223.000	13.061.827.000
Sử dụng quỹ	<u>(17.691.520.083)</u>	<u>(24.830.103.590)</u>
Số cuối năm	<u>2.553.994.607</u>	<u>6.235.291.690</u>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Trợ cấp thôi việc	<u>3.699.103.000</u>	<u>4.056.705.000</u>



## Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	223.751.797.140	176.659.796.413	682.865.094.336
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	140.102.231.235	140.102.231.235
Tăng vốn	374.736.120.000	(15.800.000.000)	(223.000.000.000)	(135.936.120.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.592.740.000	(19.592.740.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.061.827.000)	(13.061.827.000)
Số cuối năm	640.508.920.000	880.700.783	20.344.537.140	148.171.340.648	809.905.498.571
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	640.508.920.000	880.700.783	20.344.537.140	148.171.340.648	809.905.498.571
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	116.955.834.816	116.955.834.816
Cổ tức công bố	-	-	-	(96.076.338.000)	(96.076.338.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.015.335.000	(21.015.335.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.010.223.000)	(14.010.223.000)
Số cuối năm	640.508.920.000	880.700.783	41.359.872.140	134.025.279.464	816.774.772.387



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	640.508.920.000	265.772.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	374.736.120.000
Số cuối năm	<u>640.508.920.000</u>	<u>640.508.920.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>		
Cổ tức đã công bố (i)	96.076.338.000	135.936.120.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	135.936.120.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	95.824.215.000	26.556.436.000

(i) Trong năm, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông phù hợp với phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 349/NQ ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	64.050.892	64.050.892
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	64.050.892	64.050.892
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.050.892</i>	<i>64.050.892</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	64.050.892	64.050.892
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.050.892</i>	<i>64.050.892</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
Ông Trịnh Xuân Vương	87.241.970.000	13,62	87.241.970.000	13,62
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	85.859.860.000	13,40	85.859.860.000	13,40
Công ty Cổ phần Pacific Partners	82.356.420.000	12,86	82.356.420.000	12,86
Quý đầu tư cơ hội PVI	-	-	111.342.000.000	17,38
Các cổ đông khác	<u>385.050.670.000</u>	<u>60,12</u>	<u>273.708.670.000</u>	<u>42,73</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>640.508.920.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>640.508.920.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>944.010.461.020</b>	<b>1.110.387.763.058</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	937.233.052.935	1.105.423.314.245
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	6.604.906.248	4.669.882.428
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	172.501.837	294.566.385
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(3.710.399.928)	(21.877.125.642)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>940.300.061.092</b>	<b>1.088.510.637.416</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	934.658.912.163	1.087.541.717.141
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	5.641.148.929	968.920.275

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ đầu tư trái phiếu	8.401.835.352	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.545.964.553	4.154.740.291
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.367.651.714	5.775.587.505
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	444.373.481	261.499.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.759.825.100</b>	<b>10.191.827.154</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	482.725.935.261	581.558.989.623
Giá vốn hàng khuyến mãi	51.342.758.780	48.857.655.216
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	5.595.324.927	4.326.889.564
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.038.058.555	3.343.202.180
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>547.702.077.523</b>	<b>638.086.736.583</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	6.970.823.567	7.032.918.223
Chi phí lãi vay	334.548.651	470.835.382
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(386.529.064)	386.529.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	151.392.147	71.329.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.070.235.301</b>	<b>7.961.611.941</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>172.634.966.451</b>	<b>198.974.279.541</b>
Chi phí nhân viên	97.548.513.039	130.719.332.492
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp thị	20.764.627.320	17.722.284.398
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.306.657.848	6.444.846.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.602.363.179	5.295.927.068
Khác	39.412.805.065	38.791.889.107
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>83.102.442.305</b>	<b>77.306.454.701</b>
Chi phí nhân viên	48.153.932.508	45.094.004.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.803.040.783	12.530.139.731
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	1.213.083.760	1.114.275.894
Khác	19.932.385.254	18.568.034.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>255.737.408.756</u></b>	<b><u>276.280.734.242</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	284.111.918.259	394.101.203.859
Chi phí nhân viên	191.756.670.618	239.093.089.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.440.484.256	33.953.949.788
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	19.181.147.533	19.175.735.716
Chi phí khác	41.970.312.741	53.494.111.693
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>593.460.533.407</u></b>	<b><u>739.818.090.130</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.448.768.865	36.238.305.359
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu trong những năm trước	1.015.390.093	13.709.486
	37.464.158.958	36.252.014.845
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.001.275.248)	666.267.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.462.883.710</u></b>	<b><u>36.918.281.849</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>148.418.718.526</b>	<b>177.020.513.084</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	29.683.743.705	35.404.102.617
<i>Điều chỉnh thuế do:</i>		
Chi phí không được trừ	1.672.942.823	2.628.835.399
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(909.192.911)	(792.596.453)
Khác	-	(335.769.200)
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu trong những năm trước	1.015.390.093	13.709.486
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>31.462.883.710</b>	<b>36.918.281.849</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trích trước	3.771.878.610	893.682.098	2.878.196.512	713.682.098
Dự phòng hàng tồn kho	2.345.661.438	-	2.345.661.438	-
Trợ cấp thời việc	739.820.600	811.341.000	(71.520.400)	(75.990.700)
Doanh thu chưa thực hiện	652.480.032	-	652.480.032	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	105.497.925	670.174.155	(564.676.230)	(1.304.102.777)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(108.337)	78.549	(186.886)	144.375
Khác	761.320.782	-	761.320.782	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>8.376.551.050</b>	<b>2.375.275.802</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>6.001.275.248</b>	<b>(666.267.004)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương ("OPC Bình Dương")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("TW 25")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang ("OPC Bắc Giang")	Công ty liên kết

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
TW 25	Mua hàng hóa	119.504.903.760	130.070.953.867	
	Thu hộ	880.209.438	745.236.186	
	Phí nhượng quyền thuê gian hàng	399.000.000	-	
	Trả lại hàng	121.346.690	3.442.383.764	
	Thuê mặt bằng	88.943.370	181.913.620	
	Bán hàng	4.824.000	29.510.714	
	Thu nhập cho thuê xe, mặt bằng	-	28.614.322	
OPC Bắc Giang	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	65.259.284.300	36.311.381.500	
	Lợi nhuận được chia	623.645.971	268.559.563	
OPC Bình Dương	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	36.970.605.850	50.337.285.180	
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.636.324.929	939.409.561	
	Lợi nhuận được chia	2.829.658.582	2.656.947.701	
	Thu nhập cho thuê	1.485.845.619	467.799.945	
	Lãi cho vay	471.375.100	513.995.800	
	Trả lại hàng	2.124.820	41.050.000	
Mua dịch vụ	-	150.490.385		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>			
<b><i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i></b>			
OPC Bình Dương	Bán nguyên vật liệu	1.017.988.000	-
TW 25	Cho thuê	-	438.900.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.017.988.000</u></b>	<b><u>438.900.000</u></b>
<b><i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i></b>			
OPC Bình Dương	Cho vay	<u>6.500.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>			
OPC Bắc Giang	Mua nguyên vật liệu	<u>8.363.450.000</u>	-
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
TW 25	Mua hàng hóa	16.419.454.616	21.766.533.037
OPC Bình Dương	Mua nguyên vật liệu	5.042.436.703	5.604.794.881
OPC Bắc Giang	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	<u>3.644.897.725</u>	<u>8.355.722.550</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>25.106.789.044</u></b>	<b><u>35.727.050.468</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác như sau:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>2.676.111.099</b>	<b>2.724.999.985</b>
Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)	493.333.332	-
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	371.444.443	804.777.775
Bà Phương Thanh Nhung	Phó Chủ tịch	444.777.775	415.333.330
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	730.333.331	674.777.775
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	444.777.775	415.333.330
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	191.444.443	414.777.775
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>1.284.509.241</b>	<b>1.063.001.934</b>
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	234.777.775	220.333.330
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2023)	41.444.443	89.777.775
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	954.953.691	752.890.829
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2023)	53.333.332	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>8.674.193.265</b>	<b>6.928.828.203</b>
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	4.337.033.433	3.966.845.555
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.430.569.898	1.554.545.098
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.200.631.934	1.299.387.550
Ông Dương Minh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 12 năm 2023)	1.705.958.000	108.050.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12.634.813.605</b>	<b>10.716.830.122</b>

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	325.828.800	325.828.800
Từ 2 năm đến 5 năm	1.303.315.200	1.303.315.200
Trên 5 năm	5.539.089.600	5.864.918.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.168.233.600</b>	<b>7.494.062.400</b>




THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	202.391	1.179
Hàng hóa giữ hộ (VND)	<u>3.806.603.908</u>	<u>-</u>

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

		
_____ Vũ Thị Tuyết Dung Người lập	_____ Nguyễn Thế Đề Kế toán trưởng	_____ Phạm Thị Xuân Hương Tổng Giám đốc



Ngày 21 tháng 3 năm 2024

